

ĐIỂM BÀI THU HOẠCH

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 3 (Nguyên Bình)

Phần A.III,IV. Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Hoàng Thị Ngọc Anh	6,75	Sáu phẩy bảy năm	41	Đặng Thị Lịch	7,00	Bảy
2	Lương Thị Kim Cúc	6,75	Sáu phẩy bảy năm	42	Hoàng Thị Liên	7,50	Bảy phẩy năm
3	Ngô Đức Chính	7,75	Bảy phẩy bảy năm	43	Hà Thị Hồng Linh	7,00	Bảy
4	Nguyễn Văn Chuyên	7,00	Bảy	44	Bàn Thị Lưu	8,25	Tám phẩy hai năm
5	Triệu Thị Diệp	8,00	Tám	45	Tô Thị Mến	7,00	Bảy
6	Nguyễn Thị Thu Dung	8,25	Tám phẩy hai năm	46	Hoàng Lê Miên	7,75	Bảy phẩy bảy năm
7	Hoàng Kim Dung	8,00	Tám	47	Bé Thị Lê Na	7,25	Bảy phẩy hai năm
8	Hoàng Thị Dung	7,75	Bảy phẩy bảy năm	48	Chu Thị Nải	7,00	Bảy
9	Hoàng Anh Dũng	8,00	Tám	49	Hoàng Thị Nét	7,50	Bảy phẩy năm
10	Hoàng Thị Duyên	6,75	Sáu phẩy bảy năm	50	Diêu Thị Nga	6,25	Sáu phẩy hai năm
11	Lê Thị Diệp	7,50	Bảy phẩy năm	51	Triệu Thị Nga	7,00	Bảy
12	Nông Văn Giang	7,50	Bảy phẩy năm	52	Hoàng Thị Nga	7,50	Bảy phẩy năm
13	Nông Đức Giáp	8,25	Tám phẩy hai năm	53	Hoàng Minh Nga	8,00	Tám
14	Nông Thị Gióng	8,00	Tám	54	Chu Thị Ngân	7,00	Bảy
15	Tô Hồng Hạnh	8,25	Tám phẩy hai năm	55	Triệu Kim Ngân	7,75	Bảy phẩy bảy năm
16	Nông Thị Hằng	7,75	Bảy phẩy bảy năm	56	Nông Thị Ngân	7,50	Bảy phẩy năm
17	Nông Thu Hằng	8,25	Tám phẩy hai năm	57	Lương Thị Ngọc	7,50	Bảy phẩy năm
18	Đàm Thị Thúy Hằng	6,50	Sáu phẩy năm	58	Hoàng Thị Nha	8,00	Tám
19	Nông Thị Hân	7,50	Bảy phẩy năm	59	Lương Thị Phượng	6,75	Sáu phẩy bảy năm
20	Đặng Thu Hiền	8,25	Tám phẩy hai năm	60	Lê Thị Phượng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
21	Đinh Ích Hiếu	8,25	Tám phẩy hai năm	61	Ma Thị Quyên	7,50	Bảy phẩy năm


STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
22	Đào Thị Hoa	6,25	Sáu phẩy hai năm	62	Lê Đăng Tiến	7,25	Bảy phẩy hai năm
23	Chu Thị Hoàn	7,50	Bảy phẩy năm	63	Bé Quang Tiến	5,25	Năm phẩy hai năm
24	Cung Lê Hoàng	5,00	Năm	64	Vi Hữu Toàn	7,50	Bảy phẩy năm
25	Nông Thị Hồng	6,50	Sáu phẩy năm	65	Hà Quốc Toàn	7,25	Bảy phẩy hai năm
26	Đình Văn Huấn	8,25	Tám phẩy hai năm	66	Hoàng Thị Thanh Tuyền	7,50	Bảy phẩy năm
27	Triệu Ngọc Huấn	8,00	Tám	67	Hà Thị Tuyết	7,50	Bảy phẩy năm
28	Phương Quốc Huy	7,75	Bảy phẩy bảy năm	68	Hà Văn Tuynh	6,00	Sáu
29	Đình Thị Thu Huyền	6,25	Sáu phẩy hai năm	69	Trương Thị Mai Thanh	7,50	Bảy phẩy năm
30	Nguyễn Thị Minh Huyền	6,25	Sáu phẩy hai năm	70	Bàn Văn Thắng	6,75	Sáu phẩy bảy năm
31	Tạ Thu Huyền	8,25	Tám phẩy hai năm	71	Nông Thị Bích Thu	8,00	Tám
32	Đàm Thị Hương	7,00	Bảy	72	Lương Thị Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
33	Nguyễn Thanh Hương	6,25	Sáu phẩy hai năm	73	Nguyễn Thị Thúy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
34	Hoàng Thị Hường	6,25	Sáu phẩy hai năm	74	Bàn Phúc Thượng	6,50	Sáu phẩy năm
35	Lương Xuân Hường	6,25	Sáu phẩy hai năm	75	Lương Văn Trinh	7,50	Bảy phẩy năm
36	Nông Văn Khởi	6,25	Sáu phẩy hai năm	76	Lý Ngọc Trịnh	6,00	Sáu
37	Hoàng Thị Lan	8,25	Tám phẩy hai năm	77	Nông Thị Uyên	8,25	Tám phẩy hai năm
38	Lương Thị Lan	6,50	Sáu phẩy năm	78	Phạm Thị Hồng Việt	8,25	Tám phẩy hai năm
39	Hà Hồng Lan	8,25	Tám phẩy hai năm	79	Chu Thị Yến	7,75	Bảy phẩy bảy năm
40	Dương Văn Lành	6,25	Sáu phẩy hai năm				

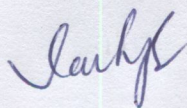
Điểm 5,00: 01 điểm; Điểm 5,25: 01 điểm; Điểm 6,00: 02 điểm; Điểm 6,25: 09 điểm; Điểm 6,50: 04 điểm; Điểm 6,75: 05 điểm; Điểm 7,00: 08 điểm; Điểm 7,25: 03 điểm; Điểm 7,50: 16 điểm; Điểm 7,75: 09 điểm; Điểm 8,00: 08 điểm; Điểm 8,25: 13 điểm./.

GHI ĐIỂM

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG







Bé Thị Hương

Đoàn Thị Vân Thúy

Hoàng Việt Hưng